

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 17-8-2020.

1
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43 /2020/TLST-HS ngày 07 /7 /2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44 /2020/QĐXXST-HS, ngày 04 /8/2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Bá N, tên gọi khác: B, sinh ngày 24/4/1996 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá T và bà Nguyễn Thị X. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn” Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Đặng Văn S, tên gọi khác: không, sinh ngày 10/9/1984 tại thành phố Đ, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng văn Đ và bà Trần Thị H(chết); vợ: Nguyễn Thị G, con 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn” Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Người bị hại: Chi nhánh Lâm trường Đ, tỉnh Quảng B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu V-Giám đốc.

Ông Việt ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu T- Quản đốc phân trường 2, tham gia tố tụng, có mặt.

-Người làm chứng: Nguyễn Quốc H-Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 14/02/2020, Lê Bá N gọi điện thoại rủ Đặng văn S sang nhà N để giúp cắt cây cao su thì được S đồng ý. N đội đèn pin lên đầu và mang

theo 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu: "STIHL" màu cam và 01 con dao có cán gỗ dài 10cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 23,8 cm dẫn S ra khu vực vườn cây cao su của Chi nhánh Lâm trường Đ cách nhà N khoảng 100m. Khi chuẩn bị cưa, cắt cây cao su thì S hỏi N "Cây cao su đây là của ai?", N trả lời "Cao su của Lâm trường", S hỏi tiếp "Cắt có can chi không?", N trả lời "Không can chi mô, cắt vài cây ở xa không ai biết". Khi nghe N nói vậy S đồng ý cưa, cắt cây cao su cùng N. N và S sử dụng máy cưa cưa trộm được 30 cây cao su rồi cùng nhau vận chuyển số gỗ cao su vừa cưa, cắt được về tập kết tại vườn cây cao su gần nhà N. Sáng hôm sau, N và S tiếp tục dùng cưa và dao cưa, cắt thêm 20 cây của nhà N. S gọi điện thuê Nguyễn Quốc H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Cửu Long, Biển kiểm soát 73C-03976 đến sau đó bốc toàn bộ số gỗ lên xe chở vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn X ở thôn T, xã T, thành phố Đ bán với giá 1.998.000đ. Công ty X hẹn S lúc khác đến lấy tiền. N nói với S cần tiền gấp nên S đã lấy tiền của mình đưa cho N 2.200.000đ. N trả chi phí thuê xe chở 200.000đ, chia cho S 1.000.000đ rồi cả hai về nhà nghỉ. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 15/02/2020, N và S tiếp tục đi đến khu vực vườn cây cao su của Chi nhánh Lâm trường Đ dùng máy cưa và dao cắt thêm 36 cây cao su rồi đưa về tập kết tại khu vực gần nhà N, còn một số cây gỗ nhỏ N và S vớt ở lại dưới nương, ranh giới giữa đất nhà N và đất Lâm trường. Kết luận định giá số 08/KL-HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện Bồ Trạch xác định: 66 cây cao su trồng tháng 9/2008 có đường kính gốc trung bình từ 20-25cm, hiện cây đang được Lâm trường cho khai thác lấy mũ(nhựa) có giá trị 41.580.000đ.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình đã thu giữ tại S và N: 01 máy cưa xăng cầm tay, có vỏ hộp máy làm bằng nhựa cứng màu cam, trên hộp máy có dòng chữ "STIHL", lưỡi cưa làm bằng kim loại dài 60cm, bản lưỡi cưa rộng 08cm; 01 con dao có cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 10cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 23,8cm, bản dao rộng nhất 06cm, màu xám đen ; 02 đèn pin đội đầu, trong đó có 01 đèn pin có ghi dòng chữ "VS-A13-80W" ở trên thân đèn, vỏ đèn pin làm bằng nhựa cứng màu nâu xám, có dây đeo làm bằng vải mềm kéo giãn nhiều màu khác nhau và 01 đèn pin có dòng chữ "AKASHA,A13,50W" ở trên thân đèn, vỏ bên ngoài làm bằng nhựa màu nâu xám, có dây đeo bằng vải màu trắng xám; số tiền 2.000.000đ; 53 khúc gỗ cây cao su được đánh số thứ tự từ 01 đến 53, bao gồm thân, gốc và ngọn cây(đã giao lại cho Chi nhánh Lâm trường Đ bảo quản).

Trách nhiệm dân sự: Chi nhánh Lâm trường Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại 41.580.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường được 10.000.000đ.

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKSBT ngày 04/7/2020 Viện kiểm sát Nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Lê Bá N và Đặng Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N và S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Bá N và Đặng Văn S đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và không xử phạt hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay, có vỏ hộp máy làm bằng nhựa cứng màu cam, trên hộp máy có dòng chữ “STIHL”, lưỡi cưa làm bằng kim loại dài 60cm, bản lưỡi cưa rộng 08cm và số tiền 2.000.000đ ; tịch thu tiêu hủy 01 con dao có cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 10cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 23,8cm, bản dao rộng nhất 06cm, màu xám đen; 02 đèn pin đội đầu, trong đó có 01 đèn pin có ghi dòng chữ “VS-A13-80W” ở trên thân đèn, vỏ đèn pin làm bằng nhựa cứng màu nâu xám, có dây đeo làm bằng vải mềm kéo giãn nhiều màu khác nhau và 01 đèn pin có dòng chữ “AKASHA, A13, 50W” ở trên thân đèn, vỏ bên ngoài làm bằng nhựa màu nâu xám, có dây đeo bằng vải màu trắng xám; giao Chi nhánh Lâm trường Đồng Hới xử lý 53 khúc gỗ cây cao su được đánh số thứ tự từ 01 đến 53, bao gồm thân, gốc và ngọn cây xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên buộc hai bị cáo N và S liên đới bồi thường số tiền chiếm đoạt tài sản cho người bị hại 41.580.000đ, trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường 20.000.000đ, số tiền còn lại các bị cáo phải bồi thường tiếp cho người bị hại.

Bị cáo N và S nói lời sau cùng: Đã thấy được hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo ở địa phương.

Tại phiên tòa đại diện người bị hại thừa nhận đã nhận 20.000.000đ các bị cáo đã bồi thường (mỗi bị cáo 10.000.000đ), nay yêu cầu các bị cáo N và S liên đới tiếp tục bồi thường số tiền chưa bồi thường là 21.580.000đ và bãi nại cho các bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Điều tra viên; Viện kiểm sát Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người bị hại; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo N và S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo N và S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ động cơ háms lợi và ý thức coi thường pháp luật, N và S đã lén lút trộm cắp tài sản của Chi nhánh Lâm trường Đ. Hành vi của các bị cáo chẳng những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử phạt nghiêm đối với

các bị cáo mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này. Trong vụ án này xét vai trò, tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo N và S thấy rằng: Bị cáo N là người chủ động cù rũ S cưa, cắt cây của Chi nhánh Lâm trường Đ, là người đề xướng, cả hai bị cáo đều là người thực hành, nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm chính và hình phạt phải chịu cao hơn bị cáo S là có căn cứ.

Các bị cáo tham gia cùng chiếm đoạt tài sản nhưng không có tính tổ chức chỉ mang tính đồng phạm giản đơn.

Đối với Nguyễn Quốc H là người được Sáu thuê chở số gỗ cao su đi bán và Lưu Kim N, làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn X là người thu mua gỗ cao su do N và S đưa đến bán nhưng không biết nguồn gốc số gỗ cao su trên là do phạm tội mà có nên không xử lý là có căn cứ.

[4]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại 20.000.000đ, khắc phục hậu quả; tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa đại diện người bị hại xin bãi nại, đề nghị giảm hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương; ngoài ra gia đình các bị cáo đang gặp nhiều khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình(có xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Các bị cáo có quá trình nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có chỗ ở ổn định, rõ ràng nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự là có căn cứ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đủ tác dụng, thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo N và bị cáo S nghề nghiệp lao động tự do, không ổn định, thu nhập thấp; gia đình đang khó khăn nên không xử phạt hình phạt bổ sung(phạt tiền) và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N và bị cáo S là có căn cứ.

[5]Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay, có vỏ hộp máy làm bằng nhựa cứng màu cam, trên hộp máy có dòng chữ “STIHL”, lưỡi cưa làm bằng kim loại dài 60cm, bản lưỡi cưa rộng 08cm và số tiền 2.000.000đ ; tịch thu tiêu hủy 01 con dao có cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 10cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 23,8cm, bản dao rộng nhất 06cm, màu xám đen; 02 đèn pin đội đầu, trong đó có 01 đèn pin có ghi dòng chữ “VS-A13-80W” ở trên thân đèn , vỏ đèn pin làm bằng nhựa cứng màu nâu xám, có dây đeo làm bằng vải mềm kéo giãn nhiều màu khác nhau và 01 đèn pin có dòng chữ “AKASHA,A13,50W” ở trên thân đèn, vỏ bên ngoài làm bằng nhựa màu nâu xám, có dây đeo bằng vải màu trắng xám; giao Chi nhánh Lâm trường Đ xử lý 53 khúc gỗ cây cao su đang thu giữ, bảo quản để xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật là có căn cứ.

[6]Trách nhiệm dân sự: Buộc hai bị cáo N và S liên đới bồi thường số tiền chiếm đoạt cho người bị hại 41.580.000đ, mỗi bị cáo bồi thường 20.790.000đ trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường 20.000.000đ, trong đó mỗi bị cáo 10.000.000đ, số tiền còn lại các

bị cáo phải bồi thường tiếp cho người bị hại, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường tiếp 10.790.000đ là có căn cứ.

[7] Các bị cáo N và S phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Lê Bá N và Đặng Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: - Lê Bá N 30 (ba mươi) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban Nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập; không xử phạt hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo N. Trong thời gian chấp hành án bị cáo Lê Bá N phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Bá N cho Ủy ban Nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo N trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đặng Văn S 26 (hai mươi sáu) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban Nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Q nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập; không xử phạt hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo S. Trong thời gian chấp hành án bị cáo Đặng Văn S phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Văn S cho Ủy ban Nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo S trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

2. Về vật chứng vụ án: Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay, có vỏ hộp máy làm bằng nhựa cứng màu cam, trên hộp máy có dòng chữ "STIHL", lưỡi cưa làm bằng kim loại dài 60cm, bản lưỡi cưa rộng 08cm và số tiền 2.000.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 con dao có cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 10cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 23,8cm, bản dao rộng nhất 06cm, màu xám đen; 02 đèn pin đội đầu, trong đó có 01 đèn pin có ghi dòng chữ "VS-A13-80W" ở trên thân đèn, vỏ đèn pin làm bằng nhựa cứng màu nâu xám, có dây đeo làm bằng vải mềm kéo giãn nhiều màu khác nhau và 01 đèn pin có dòng chữ "AKASHA, A13, 50W" ở trên thân đèn, vỏ bên ngoài làm bằng nhựa màu nâu xám, có dây đeo bằng vải màu trắng xám; giao Chi nhánh Lâm trường Đ, tỉnh Q xử lý 53 khúc gỗ cây cao su đang thu giữ, bảo quản để xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Các vật chứng nêu trên có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tiền số 0000779 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc hai bị cáo N và S liên đới bồi thường cho người bị hại Chi nhánh Lâm trường Đ, tỉnh Q số tiền 41.580.000đ (bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), mỗi bị cáo bồi thường 20.790.000đ (hai mươi triệu bảy trăm chín

mười ngàn đồng), nhưng được trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng), trong đó mỗi bị cáo 10.000.000đ(mười triệu đồng), số tiền còn lại các bị cáo phải bồi thường tiếp cho người bị hại, cụ thể mỗi bị cáo N và S bồi thường tiếp 10.790.000đ(mười triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng).

4.Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Bá N và Đặng Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ(hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 539.500đ(năm trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm bồi thường tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án để trả cho bên được thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo; đại diện theo ủy quyền của người bị hại có mặt tại phiên tòa; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(17/8/2020).

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- V. K.S N.D huyện Bố Trạch;
- VKS ND tỉnh Quảng Bình;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Quảng Bình
- Thi hành án phạt tù;
- Công an huyện Bố Trạch(3);
- Chi cục THA DS Bố Trạch;
- Bị cáo Lê Bá N;
- Bị cáo Đặng Văn S;
- Người bị hại;
- Ông Nguyễn Hữu T;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã L;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;Lưu V.P Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân